

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Số : 45 /QĐ-LMX

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai thực hiện quyết toán thu chi ngân sách năm 2023

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT LÊ MINH XUÂN

Căn cứ Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 5242/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Ủy Ban nhân dân TPHCM về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chánh giai đoạn 2023-2025 đối với đơn vị sự nghiệp công lập: Trường THPT Lê Minh Xuân. Đơn vị được phân loại là đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên;

Căn cứ thông báo số 8349\_102/TB-SGDĐT ngày 26/12/2024 về xét duyệt quyết toán năm 2023;

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố thực hiện quyết toán thu chi ngân sách năm 2023

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Bộ phân tài vụ và các cá nhân có tên trong điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận :  
-Như điều 1  
-Lưu: VT.



Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường THPT

Chương: 422



## QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2023

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ- ... ngày .../.../... của ....)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: Đồng

| STT | Nội dung                                       | Tổng số liệu báo cáo quyết toán | Tổng số liệu quyết toán được duyệt | Chênh lệch |
|-----|------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|------------|
| 1   | 2                                              | 3                               | 4                                  | 5 = 4-3    |
| A   | Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí |                                 |                                    |            |
| I   | Số thu phí, lệ phí                             |                                 |                                    |            |
| 1   | Lệ phí                                         |                                 |                                    |            |
| 2   | Phí                                            |                                 |                                    |            |
| II  | Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại |                                 |                                    |            |
| 1   | Chi sự nghiệp                                  |                                 |                                    |            |
| a   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                 |                                 |                                    |            |
| b   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           |                                 |                                    |            |
| 2   | Chi quản lý hành chính                         |                                 |                                    |            |
| a   | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ               |                                 |                                    |            |
| b   | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ         |                                 |                                    |            |
| III | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước          |                                 |                                    |            |
| 1   | Lệ phí                                         |                                 |                                    |            |
| 2   | Phí                                            |                                 |                                    |            |
| B   | Quyết toán chi ngân sách nhà nước              | 25264918409                     | 25264918409                        |            |
| I   | Nguồn ngân sách trong nước                     | 25264918409                     | 25264918409                        |            |
| 1   | Chi quản lý hành chính                         |                                 |                                    |            |
| 11  | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ               |                                 |                                    |            |
| 12  | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ         |                                 |                                    |            |
| 2   | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ            |                                 |                                    |            |
| 21  | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ |                                 |                                    |            |
|     | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia     |                                 |                                    |            |
|     | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ           |                                 |                                    |            |
|     | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở        |                                 |                                    |            |
| 22  | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng  |                                 |                                    |            |
| 23  | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           |                                 |                                    |            |
| 3   | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề    | 25264918409                     | 25264918409                        |            |
| 31  | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                 | 14140976207                     | 14140976207                        |            |
| 32  | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           | 11123942202                     | 11123942202                        |            |
| 4   | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình         |                                 |                                    |            |
| 41  | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                 |                                 |                                    |            |
| 42  | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           |                                 |                                    |            |
| 5   | Chi bảo đảm xã hội                             |                                 |                                    |            |
| 51  | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                 |                                 |                                    |            |
| 52  | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           |                                 |                                    |            |
| 6   | Chi hoạt động kinh tế                          |                                 |                                    |            |
| 61  | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                 |                                 |                                    |            |





|     |                                                         |  |  |  |
|-----|---------------------------------------------------------|--|--|--|
| 62  | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |  |  |  |
| 7   | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |  |  |  |
| 71  | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |  |  |  |
| 72  | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |  |  |  |
| 8   | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |  |  |  |
| 81  | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |  |  |  |
| 82  | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |  |  |  |
| 9   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |  |  |  |
| 91  | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |  |  |  |
| 92  | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |  |  |  |
| 10  | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |  |  |  |
| 101 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |  |  |  |
| 102 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |  |  |  |
| II  | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                               |  |  |  |
| 1   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |  |  |  |
| 2   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |  |  |  |
| 3   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |  |  |  |
| 4   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |  |  |  |
| 5   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |  |  |  |
| 6   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |  |  |  |
| 7   | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |  |  |  |
| 8   | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |  |  |  |
| 9   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |  |  |  |
| 10  | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |  |  |  |
| III | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>                          |  |  |  |
| 1   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |  |  |  |
| 2   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |  |  |  |
| 3   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |  |  |  |
| 4   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |  |  |  |
| 5   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |  |  |  |
| 6   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |  |  |  |
| 7   | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |  |  |  |
| 8   | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |  |  |  |
| 9   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |  |  |  |
| 10  | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |  |  |  |

